

**TÒA ÁN NHA DA
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 28-02-2022.

V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất;

Yêu cầu di dời, tháo dỡ tài sản

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhA dA: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhA dA huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 5, ngày 30 tháng 11 năm 2021, ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhA dA huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp dA sự Quyền sử dụng đất, tháo dỡ, di dời tài sản trả lại QSD đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn Tr, sinh năm: 1965.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1968;

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị R, sinh năm: 1965;

2. Anh Đinh Hoàng A, sinh năm: 1988;

3. Chị Đinh Thị Lê B, sinh năm: 1989;

4. Bà Phạm Thị A1, sinh năm: 1973;

Bà A1 ủy quyền cho ông L, theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2018.

5. Chị Bùi Thị Cẩm L, sinh năm: 2005;

6. Chị Bùi Thị Cẩm L1, sinh năm: 1997.

Cùng địa chỉ: xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhA dA huyện Thanh Bình.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Nờ, chức vụ chủ tịch.

Người đại diện Theo ủy quyền là: Ông Mai Văn Đồi, chức vụ Phó chủ tịch, theo văn bản ủy quyền số 29/GUQ ngày 30/3/2021.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Châu Văn T, sinh năm: 1957; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Dương Phước Đ, sinh năm: 1956; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Phạm Phước Tr, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

5. Ông Lê Văn T2, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

6. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm: 1951; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

7. Ông Phan Văn T3, sinh năm: 1949; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

8. Ông Lê Văn M, sinh năm: 1950; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

9. Ông Bùi Thanh L, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

10. Ông Lê Văn K, sinh năm: ..; Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn ông Tr có mặt; Bị đơn ông L có mặt, Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Anh có mặt.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà R, chị B, anh A, chị L1, chị L, ông Đồi vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng ông N, ông T, ông Đ, ông Tr, ông T2, ông QuA, ông T3, ông M, ông L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 của ông ông Đình Văn Tr, Đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của ông Đình Văn Tr, biên bản lấy lời, biên bản hòa giải và trong quá Tr xét xử Tr bày:

- Nguyên đơn ông Đình Văn Tr và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà

Lê Thị R Tr bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Lật (chết), do đất này là loại đất địa bào, không có ai sử dụng, vào năm 1989 -1990 ông Tr đang làm Chủ tịch Ủy ban nhA dA xã Phú L, do không có đất ở, nên đề nghị Ủy ban nhA dA xã xét cấp cho hộ ông Tr phần đất để cất nhà. Năm 1991 ông Tr nghỉ làm chủ tịch xã, ông Tr về phần đất được cấp xây dựng nhà tre, lá để ở, năm 1994 sửa chữa lại nhà gỗ bạch đàn, lợp lá, nền đất, đến năm 2010 xây dựng nhà tường cấp 4 như hiện nay. Năm 1995 ông Tr đăng ký kê khai được Ủy ban nhA dA huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1168, 1169, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.830m², tọa lạc tại xã Phú L, cấp ngày 22/3/1995 cho hộ ông Tr.

Năm 1993 ông Tr cho ông Nguyễn Hồng QuA (Việt Kiều Campuchia) một phần đất xây dựng căn nhà nhỏ ở khoảng 01 năm, sau đó ông QuA không ở trên đất. Năm 1994-1995 ông Bùi Văn L (cháu ruột của ông QuA, kêu ông QuA là cậu ruột) đi bộ đội về không có đất cất nhà, ông Tr thống nhất cho ông L cất nhà ở tạm trên phần đất của ông Tr cho ông QuA ở trước đây, diện tích là 1.732,7m², thuộc một phần thửa 1168, 1169, tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã Phú L, được UBND huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 22/3/1995 cho hộ ông Tr, phần đất này hiện nay đang tranh chấp.

Đối với phần đất tranh chấp ông Tr không có sử dụng do trước đây là đất hoang, bào địa, không canh tác được. Từ khi ông L về ở thì ông L có san lấp, đất đắp nền xây dựng nhà ở, khoảng 2 năm nay ông L dời nhà xuống mé sông, phần đất nền nhà cũ ông L dùng để xây dựng nhà trượt patin, còn phần đất phía sau hậu thì ông L dùng để trồng ớt, trồng mai...

Năm 2020 ông L xây dựng nhà trên phần đất tranh chấp là 01 căn nhà cấp 4, kết cấu BTCT, tường xây gạch, mặt tiền ốp gạch, cửa nhôm, mái tol giả ngói, diện tích 121,26m² (ngang 9,4m x dài 12,90m), ông Tr có nộp đơn đến UBND xã Phú L yêu cầu ông L tạm ngưng việc xây dựng nhà, nhưng ông L không đồng ý, căn cứ Biên bản làm việc ngày 06/4/2020, ngày 16/4/2020 của UBND xã Phú L, ông L cam kết nếu sau này Tòa án xử phần đất tranh chấp giao cho ông Tr thì ông L thống nhất giao đất và tài sản không khiếu nại.

Từ trước đến nay tiền thuế nhà nước do ông Tr đóng, ông Tr không có cải tạo hay trang trải phần đất này, lúc trước có nhờ xáng thoi một phần đất vào phần đất tranh chấp này.

Ông Đinh Văn Tr yêu cầu hộ ông Bùi Văn L phải di dời nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất, trả lại diện tích đất 1.732,7m², thuộc một phần thửa 1168, 1169, tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã Phú L, được UBND huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 22/3/1995 cho hộ ông Tr. Năm 2018 cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 2.181,6m²(L) và thửa 47, tờ bản đồ số 55, diện tích 750m²(ONT), cùng tọa lạc xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Đinh Văn Tr ngày 09/11/2018.

Nay ông Đinh Văn Tr, bà Lê Thị R yêu cầu hộ gia đình của ông L di dời nhà và các tài sản trên đất trả lại quyền sử dụng đất cho hộ ông Tr thuộc một phần thửa

70, tờ bản đồ số 55, diện tích 293,2m², thống nhất chuyển quyền sử dụng đất diện tích 463,3m² cho hộ ông L đứng tên QSD đất, do hiện nay trên đất có 01 căn nhà của ông L đang sử dụng, yêu cầu hộ ông L phải trả lại giá trị đất cho hộ ông Tr theo biên bản Đ giá của Hội đồng định giá với giá là 45.000đ/m² theo biên bản định giá ngày 02/4/2021 là 20.848.500đ (Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Đối với thửa 1169, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 47, tờ bản đồ số 55), diện tích 750m²(ONT), tọa lạc xã Phú L, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 09/11/2018 cho hộ ông Đinh Văn Tr, ông Trình xin rút lại yêu cầu khởi kiện, căn cứ Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của ông Đinh Văn Tr.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018, Đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của ông Bùi Văn L, biên bản lấy lời, biên bản hòa giải và trong quá Tr xét xử Tr bày

Bị đơn ông Bùi Văn L và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh Tr bày: Vào năm 1989 ông L hoàn thành nghĩa vụ quA sự về lập gia đình, theo chính sách của xã đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quA sự thì được cấp một phần đất thổ cư để sinh sống. Ông Lợi được Ủy ban xã Phú L cấp cho ông Lợi phần đất ngang 40m x dài 100m. Đoàn đo đạc cấp đất có ông Dương Phước Đ (Trưởng ban Nông nghiệp xã), quyết định cấp đất do ông Châu Văn T (phó chủ tịch xã) ký, hiện nay quyết định cấp đất này đã thất lạc.

Năm 1994 có chủ trương cho đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lợi đến xã đăng ký và được biết ông Đinh Văn Tr đã đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất phần đất của ông Lợi đang sử dụng. Thời điểm này ông Nhiều là cán bộ địa chính xã có kêu ông Lợi khiếu nại việc ông Trình đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất ông Lợi được cấp, ông Lợi gặp ông Tr trao đổi, ông Tr thừa nhận đã đăng ký trùng phần đất của ông Lợi, để khi nào được cấp giấy chứng nhận thì sẽ chuyển trả lại QSD đất cho ông Lợi.

Qua nhiều năm, ông Lợi gặp ông Tr để yêu cầu chuyển trả lại QSD đất thì ông Tr nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang vay NgA hàng, khi nào lấy về thì sẽ chuyển trả QSD đất cho ông Lợi, nhưng đến nay ông Tr không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất nêu trên, phần đất tranh chấp do hộ ông Bùi Văn L đang sử dụng, hộ ông Lợi gồm có: Bùi Văn Lợi, Phạm Thị Anh, Bùi Thị Cẩm L1, Bùi Thị Cẩm L. Ông Bùi Văn L, bà Phạm Thị Anh không đồng ý yêu cầu của ông Đinh Văn Tr yêu cầu hộ gia đình ông L di dời nhà, tài sản, cây cối trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Tr, ông L không thống nhất trả lại tiền giá trị đất theo yêu cầu của ông Tr.

Nay ông Bùi Văn L, bà Phạm Thị Anh yêu cầu hộ ông Đinh Văn Tr phải chuyển trả quyền sử dụng đất diện tích 756,5m², thuộc một thửa một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại xã Phú L, huyện Thanh Bình, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2018 cho hộ ông Bùi Văn L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Đối với yêu cầu hộ ông Tr phải bồi thường chi phí trang trải, cải tạo đất từ thời gian nhận đất cho đến nay, do thời gian đầu tư trên đất đã lâu, nên chưa thu thập được tài liệu chứng cứ nên không khởi kiện yêu cầu ông Tr phải bồi thường tiền công trang trải, cải tạo đất, khi nào thu thập được tài liệu chứng cứ sẽ khởi kiện sau.

Đối với phần đất thửa 1169, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 47, tờ bản đồ số 55), diện tích 750m²(ONT), tọa lạc xã Phú L, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 09/11/2018 cho hộ ông Đinh Văn Tr. Ông Lợi xin rút lại yêu cầu khởi kiện, căn cứ Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/4/2021 của ông Bùi Văn Lợi.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhA dA huyện Thanh Bình cung cấp thông tin như sau:* Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình cung cấp, theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ruộng đất của ông Đinh Văn Tr ghi ngày 30/8/1994, nguồn gốc đất tại thửa 1168, 1169, tờ bản đồ số 02 ghi có nguồn gốc cha mẹ cho. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Văn Tr là do Đinh Văn Tr kê khai đăng ký ngày 30/8/1994, không có đo đạc thực tế. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 22/3/1995 trong hộ ông Đinh Văn Tr gồm: Đinh Văn Tr, sinh năm: 1965, bà Lê Thị Rẫy, sinh năm: 1968, Đinh Hoàng A, sinh năm: 1988, Đinh Thị Lê B, sinh năm: 1989. Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Văn Tr theo Tr tự, thủ tục quy định tại thời điểm cấp giấy. Khi cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Tr có nhà của ông L trên đất hay không, đề nghị Tòa án huyện yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ để xét xử.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Lê B và anh Đinh Haongf A Tr bày:* Anh chị là con ruột của ông Đinh Văn Tr, thuộc hộ gia đình của ông Tr. Tuy là người trong hộ có quyền và L ích trong giấy chứng nhận QSD đất, nhưng vì từ nhỏ đến giờ vẫn sống phụ thuộc vào cha mẹ, việc ông Tr cho ông L ở tạm trên đất lúc đó anh chị còn nhỏ nên không rõ ràng sự việc, nhưng lớn lên hiểu biết thì cũng nghe cha mẹ nói đến việc lúc trước có cho ông L ở tạm trên đất của gia đình.

Nay chị B và anh A làm đơn này xin giao lại toàn bộ vụ kiện, quyền và L ích hợp pháp cho cha là ông Đinh Văn Tr định đoạt, mọi quyết định của ông Tr, anh chị đều chấp nhận và không khiếu nại gì về sau.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Cẩm L và chị Bùi Thị Cẩm L1:* Không có ý kiến Tr bày.

Tại phiên tòa ông Đinh Văn Tr Tr bày: Ông Tr được UBND xã Phú L cấp đất, đến năm 1991-1992 ông Tr có thỏa thuận cho ông Út QuA 01 phần đất để xây dựng nhà ở trên phần đất của ông Tr được UBND xã cấp, sau đó ông QuA không sử dụng, ông QuA giao nền nhà lại cho ông L, ông L sử dụng đất vào năm 1995, cuối năm 1994 ông Tr đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 1995. Lý do ông L được ở trên đất là do ông Út QuA cho ông L sử dụng đất và ông Út QuA có yêu cầu ông L nếu muốn ở thỏa thuận bồi thường thành quả lao động cho ông Tr, nhưng ông L không thực hiện và thuê hàng năm ông Tr đều đóng. Nay

ông Tr thông nhất chuyển quyền sử dụng đất cho ông L diện tích 463,3m² trên phần đất có căn nhà của ông Lợi đang sử dụng, yêu cầu ông L phải trả giá trị đất với số tiền 20.848.5000đ (*Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*), yêu cầu hộ ông L phải tháo dỡ, di dời tài sản nhà, cây trồng trả lại QSD đất diện tích 293,3m², thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc xã Phú Lợi cho hộ ông Trình được sử dụng.

Tại phiên tòa ông L, bà Anh Tr bày: Không thống nhất lời Tr bày của ông Tr, ông bà không có thỏa thuận trả thành quả lao động đối với ông Tr, ông L không có nhận đất từ ông Út QuA mà được UBND xã Phú L xét cấp cho hộ ông L. Nay ông L yêu cầu hộ ông Tr phải chuyển trả quyền sử dụng đất diện tích 756.5m², thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 50, tọa lạc xã Phú Lợi cho hộ ông L do ông Tr kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất trồng lần lên phần đất ông L được UBND xã xét cấp. Hiện nay ông L đã xây dựng nhà và trồng cây trên đất gồm: 01(Một) căn nhà cấp 4, diện tích 121,2m², kết cấu khung BTCT, tường xây gạch, mặt tiền ốp gạch, cửa nhôm, mái tol giả ngói; 01 (Một) sA trượt patin, diện tích 219,6m, trong đó mái che chính diện tích là 180,5m², mái che tạm diện tích là 39,1m², kết cấu mái che sA patin là mái tol đòn tay gỗ, nền gạch bông; 22 (Hai mươi hai) cây bạch đàn, trong đó 05 cây đường kính gốc 50cm, 10 cây đường kính gốc 15cm, 07 cây đường kính 30cm; 30 (Ba mươi) cây mai vàng hoành gốc là 10cm; 02 (Hai) cây dừa, 01 (Một) cây ôi, 01(một) cây chanh, 12 (mười hai) cây chuối.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuA theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán đã được phA công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 68, 93, 97, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá Tr giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuA theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dA sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xE xét quyết định, áp dụng Điều 2, Điều 33 Luật đất đai năm 1993; Điều 26, 99, 101, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 164 Bộ luật dA sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đình Văn Tr, yêu cầu hộ ông Bùi Văn L về việc di dời vật kiến trúc, cây trồng trên đất trong diện tích 293,2m² và trả giá trị QSD đất trên diện tích 463,3m² thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 2.181,6m², tọa lạc xã Phú L do hộ ông Tr đứng tên QSD đất. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn L, yêu cầu hộ ông Tr phải chuyển quyền sử dụng đất diện tích 756,5m² thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc xã Phú L cho ông L đứng tên QSD đất, theo Sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp và nơi cư trú bị đơn tại xã Phú L, huyện Thanh Bình, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi có bất động sản và nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhA dA huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dA sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Tr khởi kiện yêu cầu hộ ông L trả lại quyền sử dụng đất và di dời, tháo dỡ các tài sản trên đất trả lại quyền sử dụng đất cho ông Tr thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 756,5m² do ông Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bị đơn ông L yêu cầu ông Tr phải chuyển trả QSD đất nêu trên cho hộ ông L, nên phát sinh tranh chấp Quyền sử dụng đất và di dời, tháo dỡ tài sản, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dA sự.

[1.3.] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là bà Rầy, anh Hoàng A, chị Lê B, chị Cẩm L1, chị Cẩm L và ông Mai Văn Đồi là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Nờ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng ông N, ông T, ông Định, ông Tr, ông T2, ông QuA, ông T3, ông M, ông L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự nêu trên đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên việc vắng mặt của các đương sự nêu trên, không gây trở ngại đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015.

[2.] Về pháp luật áp dụng: Áp dụng quy định Bộ luật DA sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết.

[3.] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đình Văn Tr: Yêu cầu hộ ông L di dời nhà và các tài sản trên đất trả lại quyền sử dụng đất cho ông Tr thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 293,2m² do hộ ông Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu hộ ông L phải trả giá trị đất diện tích 463,3m² với giá trị là 20.848.500đ và thống nhất chuyển quyền sử dụng đất diện tích 463,3m² cho ông L đứng tên QSD đất, do hiện trạng trên đất có 01 căn nhà của ông L đang sử dụng.

Căn cứ lời khai của ông Tr nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị Lặt, nhưng bà Lặt không sử dụng và bỏ trống, nên ông Tr làm đơn yêu cầu UBND xã Phú L xét cấp đất cho ông Tr năm 1991- 1992. Sau khi được UBND xã xét cấp đất ông Tr cho ông Nguyễn Hồng QuA một phần đất để xây dựng nhà ở, ông QuA ở được 01 năm sau đó không sử dụng và giao cho ông L sử dụng cho đến nay. Năm 1994 ông

Tr làm đơn xin đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 1168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2080m²(Hg), tọa lạc xã Phú L, được UBND huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 22/3/1995. Nay là thửa số 70, tờ bản đồ 55, diện tích 2.181,6m²(L), tọa lạc ấp 4, xã Phú L, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 09/11/2018 cho hộ ông Đinh Văn Tr.

Căn cứ lời khai của ông L khai được Ủy ban nhA dA xã cấp đất cho ông L vào năm 1991-1992 do ông L là bộ đội xuất ngũ về được cấp đất với diện tích ngang 30m x dài 100m, có ông Châu Văn T làm phó chủ tịch xã và ông Dương Phước Định là người trực tiếp trong Đoàn đến đo đạc và cấp đất cho ông L sử dụng, ông L không có nhận đất từ ông QuA như lời Tr bày của ông Tr. Khi ông Tr được cấp giấy chứng nhận QSD đất ông L có biết nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại việc ông Tr được cấp QSD đất trên phần đất ông L đang sử dụng, vì ông Tr hứa sau này sẽ chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông L nhưng đến nay không thực hiện và phát sinh tranh chấp.

Căn cứ Công văn số 877/UBNDNC ngày 20/3/2020 của UBND huyện cung cấp thông tin: Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Đinh Văn Tr theo Tr tự, thủ tục quy định tại thời điểm cấp giấy.

Căn cứ lời khai của người làm chứng ông Dương Phước Định, công tác Ban nông nghiệp xã năm 1986, nguồn gốc đất ông L đang sử dụng do ông L đi nghĩa vụ quA sự về nên làm đơn xin cấp đất và có quyết định của Hội đồng xét duyệt, ông L sử dụng đất từ năm 1991-1992 cho đến nay.

Căn cứ lời khai của ông Nguyễn Hồng QuA, ông QuA là cậu ruột của ông L, nguồn gốc đất là của UBND xã cấp cho ông Tr, ông QuA có xin ông T3 là chủ tịch xã cấp 1 phần đất để ở, ông T3 trả lời đã cấp cho ông Tr rồi và kêu ông QuA thỏa thuận với ông Tr chia 1 phần đất, không nhớ diện tích, ông QuA có xây dựng 01 căn nhà nhỏ ở được 01 năm. Do ông L đi bộ đội về không có đất ở nên ông QuA kêu ông L về phần đất ông QuA đang ở để xây dựng nhà ở và có nói ông L tiền thuê từ trước giờ ông Tr đóng nếu ở thì phải trả tiền thuê lại cho ông Tr, ông L về quản lý, sử dụng đất này cho đến nay. Đất giữa ông Tr, ông L đang tranh chấp là của UBND xã cấp cho ông Tr, ông Tr đồng ý chia lại cho ông QuA 1 phần đất cất nhà ở, ông QuA không sử dụng giao cho ông L sử dụng từ năm 1991-1992, ông QuA và ông L không được UBND xã xét cấp cho phần đất này.

Căn cứ lời khai người làm chứng ông Bùi Thanh L là anh ruột của ông Bùi Văn L khai năm 1992-1993 ông Tr có xin ông L (ông L là Bí thư xã) một phần đất để xây dựng nhà ở, không được cấp đất chỉ cho xây dựng nhà ở tạm, ông L xuất ngũ về được địa phương xét cấp đất ngang 40m x dài hết đất và sử dụng ổn định cho đến nay.

Căn cứ lời khai ông Phan Văn T3 (Chủ tịch xã Phú L năm 1991-1999), năm 1991 ông Tr xin nghỉ việc, năm 1992 ông T3 có trao đổi với Hội đồng xét duyệt cấp đất của UBND xã Phú L, xét cấp đất cho ông Tr, không nhớ diện tích bao nhiêu, do đất lung lặn, nên cấp nguyên ô cho ông Tr, ông T3 là người ra quyết định

cấp đất cho ông Tr bao gồm luôn phần đất hiện nay ông L đang sử dụng. Lý do ông L được sử dụng phần đất của ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất là ông QuA (cậu ruột của ông L), ông QuA có hỏi ông Tr cho một phần đất cấp nhà với nhà ông Tr để xây dựng 1 cái trại tre lá nhỏ ở. Sau đó ông QuA di dời nhà về tuyến dA cư để đất trống, ông L thấy đất trống nên về phần đất này để cất nhà ở. Từ trước đến nay UBND xã không có xét cấp đất cho ông L, chỉ xét cấp đất cho hộ ông Tr.

Căn cứ Công văn số 77/UBND-VP ngày 28/01/2022 của UBND xã Phú L cung cấp thông tin về việc cấp đất cho hộ ông Tr, ông L như sau: UBND xã không có thẩm quyền ban hành quyết định cấp đất cho ông Tr hoặc ông L vào năm 1991-1992 đối với thửa đất số 1168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2080m²(Hg), được UBND huyện cấp ngày 22/3/1995, không có cấp đất cho hộ ông L hoặc hộ ông Tr, việc cấp đất cho hộ ông Tr do ông Tr có đơn xin đăng ký ruộng đất, nên được Hội đồng xét duyệt của UBND xã thống nhất xét đơn chuyển về huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Căn cứ Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Tr là phù hợp với quy định tại Điều 95 về Đăng ký đất đai, Điều 100 về cấp giấy chứng nhận QSD đất, khoản 4 Điều 166 của luật đất đai năm 2013, về quyền chung của người sử dụng đất *“Được nhà nước bảo hộ khi người Kc xâm phạm quyền, L ích hợp pháp về đất đai của mình”*.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở chứng minh việc hộ ông Tr được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 1168, tờ bản đồ số 02, diện tích 2080m²(Hg), được UBND huyện cấp ngày 22/3/1995, nay là thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 2181.6m²(L), tọa lạc xã Phú L, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09/11/2018 cho hộ ông Tr là đúng Tr tự thủ tục và đúng đối được, do nguồn gốc đất là đất hoang hóa, không ai quản lý sử dụng, nhà nước xét cấp cho người có nhu cầu sử dụng đất là đúng quy định pháp luật đất đai năm 1993.

Tuy nhiên, ông Tr được cấp đất nhưng lại không sử dụng đất, mà ông L là người trực tiếp sử dụng đất, ông L có công trang trải, cải tạo đất từ năm 1994 đến nay, có công sức đóng góp làm tăng giá trị đất, ông Tr cũng không có khiếu nại hay tranh chấp. Từ đó, có đủ căn cứ chứng minh ông Tr biết việc ông L quản lý sử dụng đất, xây dựng nhà ở, trồng cây trên đất đối với phần đất ông Tr đã được nhà nước cấp và được cấp giấy chứng nhận QSD đất nêu trên. Mặt khác, ông Tr thừa nhận có cho ông Hồng QuA 01 phần đất để xây dựng nhà ở, ông QuA chỉ sử dụng đất thời gian khoảng 01 năm, ông QuA không sử dụng đất và giao lại cho ông L sử dụng, lời khai của ông Tr phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hồng QuA. Do ông Tr đã hứa cho ông QuA phần đất nền nhà và ông QuA giao cho ông L sử dụng để xây dựng nhà ở, thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, diện tích 463,3m²(L), nên hộ ông Đình Văn Tr có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất diện tích 463,3m² (L), thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 09/11/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Tr, đất tại ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp cho

hộ ông Bùi Văn L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là đúng quy định tại Điều 500 Bộ luật dA sự năm 2015 đối với Hợp đồng về quyền sử dụng đất “ *Hợp đồng về quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó người sử dụng đất chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, ... hoặc thực hiện quyền khác theo quy định của Luật đất đai cho bên kia; bên kia thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng với người sử dụng đất*”.

Đối với yêu cầu của ông Tr buộc hộ ông L phải trả tiền giá trị đất diện tích 463,3m² nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Tr thừa nhận cho đất cho ông QuA để xây dựng nhà ở và đã giao đất cho ông QuA, ông QuA thừa nhận có giao đất cho ông L sử dụng nên QSD đất là của hộ ông Bùi Văn L, không phải của hộ ông Tr. Mặt khác, ông L là người có công sức đóng góp làm tăng giá trị đất như hiện nay, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr buộc hộ ông L phải trả giá trị đất với số tiền 20.848.500đ (*Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Đối với yêu cầu của ông Tr buộc hộ ông L phải di dời, tháo dỡ tài sản trả lại diện tích đất là 293.2m²(L), thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc xã Phú L, do ông Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L sử dụng diện tích đất nêu trên là không có căn cứ pháp luật, không được nhà nước công nhận QSD đất, ông L Tr bày việc ông L sử dụng đất là do được nhà nước cấp. Tuy nhiên, căn cứ Công văn của UBND xã Phú L và UBND huyện Thanh Bình, người làm chứng ông T3, ông QuA xác định không có cấp đất cho ông L và ông L không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh việc cho đất của ông L sử dụng được nhà nước cấp và ông Tr cũng không thừa nhận việc cho đất ông L sử dụng. Nay ông Tr yêu cầu hộ ông L phải tháo dỡ, di dời tài sản trả lại QSD đất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dA sự năm 2015 về việc Đòi lại tài sản “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được L về tài sản không có căn cứ pháp luật*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr buộc hộ ông L phải tháo dỡ, di dời tài sản trả lại quyền sử dụng đất diện tích 293,2m²(L), thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55 cho hộ ông Tr như đã nêu trên.

[3.2.] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lợi về việc yêu cầu hộ ông Đình Văn Tr chuyển quyền sử dụng đất diện tích 756,5m²(L) cho hộ ông Bùi Văn L đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, thuộc một thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại xã Phú L, huyện Thanh Bình, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2018 cho hộ ông Đình Văn Tr.

Như đã nhận định nêu trên, ông Trình thừa nhận có thỏa thuận giao cho ông QuA một nền nhà để xây dựng nhà ở, ông QuA không sử dụng và giao nền nhà cho ông Lợi sử dụng (hiện nay nhà của ông L đang xây dựng trên đất) ở ổn định từ năm 1994 cho đến nay, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lợi buộc hộ ông Trình phải chuyển trả lại QSD đất cho hộ ông Lợi diện tích

463,3m², thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, giấy chứng nhận QSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09/11/2018 cho hộ của ông Tr, đất tại ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L buộc hộ ông Tr phải chuyển quyền sử dụng đất diện tích đất là 293,2m² thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc xã Phú L, cho hộ ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L không có cơ sở chấp nhận, do ông L sử dụng đất không có căn cứ pháp luật, không được nhà nước công nhận QSD đất, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đất để sử dụng và ông L không có giấy tờ chứng cứ chứng minh việc ông L được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đất như đã nêu trên.

[3.3.] Đối với thửa 1169, tờ bản đồ số 02 (nay thuộc một phần thửa 47, tờ bản đồ số 55), diện tích 750m² (ONT) ông Tr và ông L tự nguyện rút lại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu phản tố. Việc nguyên đơn, bị đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và việc rút yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đã rút, được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dA sự.

[3.4.] Đối với chi phí trang trải, cải tạo đất từ thời gian nhận đất cho đến nay của ông Lợi, diện tích 293,2m², thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, tọa lạc xã Phú Lợi, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Trình. Ông Lợi không khởi kiện yêu cầu ông Trình phải bồi thường tiền công trang trải, cải tạo đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, ông Lợi có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Đình Văn Tr phải chịu ½ chi phí tố tụng là 1.503.000đ (*Một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng*), ông Tr đã nộp và chi xong.

Bị đơn ông Bùi Văn L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh, chị Bùi Thị Cẩm L1, chị Bùi Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Đình Văn Tr ½ chi phí tố tụng với số tiền là 1.503.000đ (*Một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng*).

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dA sự; khoản 2, 3, 4 Điều 26, khoản 1, 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn hộ ông Tr phải chịu 1.042.000đ án phí dA sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu trả tiền giá trị đất với số tiền 20.848.500đ không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí phí ông Tr đã nộp là 1.732.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BG/2015-002759 ngày 25/6/2018, tại Chi cục T2 hành án dA sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, hoàn trả cho ông Tr số tiền 690.000đ (*Sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Bị đơn hộ ông Bùi Văn L phải chịu án phí dA sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đối với yêu cầu Đòi lại QSD đất của ông Trình được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí số BH/2017-0004391, ngày 22/10/2018, hộ ông Bùi Văn L không phải nộp thêm.

[6] Đối với người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Cẩm L1, chị Cẩm L không có ý kiến hay yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần với nhận định của của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 5, 6, 9 Điều 26; 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 101, Điều 104, điểm đ khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dA sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, Điều 100, khoản 4 Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 166, Điều 500 Bộ luật dA sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dA sự; khoản 2, 3, 4 Điều 26, khoản 1, 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đình Văn Tr đối với hộ ông Bùi Văn L về việc yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất và di dời tháo dỡ, tài sản trả lại QSD đất.

Buộc hộ bị đơn ông Bùi Văn L, bà Phạm Thị Anh, chị Bùi Thị Cẩm L1, chị Bùi Thị Cẩm L phải giao cho hộ của nguyên đơn ông Đình Văn Tr, bà Lê Thị R, anh Đình Hoàng A, chị Đình Thị Lê B diện tích đất 293,2m²(L), trong phạm vi các mốc 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 trở về mốc 02, tại một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, giấy chứng nhận QSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ của ông Tr vào ngày 09/11/2018, đất tại ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Bùi Văn L phải di dời, toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nêu trên để giao đất cho hộ ông Tr theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đình Văn Tr về việc buộc hộ ông Bùi Văn L phải có trách nhiệm trả tiền giá trị đất cho hộ ông Đình Văn Tr với số tiền 20.848.500đ (*Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc yêu cầu hộ ông Đình Văn Tr trả lại QSD đất.

Buộc hộ của nguyên đơn ông Đinh Văn Tr, bà Lê Thị R, anh Đinh Hoàng A, chị Đinh Thị Lê B phải giao cho bị đơn hộ ông Bùi Văn L, bà Phạm Thị Anh, chị Bùi Thị Cẩm L1, chị Bùi Thị Cẩm L diện tích 463,3m²(L), trong phạm vi các mốc 01, 02, 08, 09, 10 trở về mốc 01, tại một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, giấy chứng nhận QSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Đinh Văn Tr vào ngày 09/11/2018, đất tại ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn L về việc yêu cầu hộ ông Đinh Văn Tr trả lại QSD đất diện tích 293,2m²(L), thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ số 55, giấy chứng nhận QSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ của ông Tr vào ngày 09/11/2018, đất tại ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Hộ ông Đinh Văn Tr và hộ ông Bùi Văn L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021 của Tòa án nhA dA huyện Thanh Bình; Sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Tr, ông Bùi Văn L về việc ông Tr, ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa 1169, tờ bản đồ số 02 (nay thuộc một phần thửa 47, tờ bản đồ số 55), diện tích 750m² (ONT), tọa lạc ấp 4, xã Phú L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận QSD đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09/11/2018 cho hộ ông Đinh Văn Tr.

5. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông ông Đinh Văn Tr phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 1.503.000đ (Một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng), ông Tr đã nộp và chi xong.

Bị đơn ông Bùi Văn L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Anh, chị Bùi Thị Cẩm L1, chị Bùi Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Đinh Văn Tr $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng với số tiền là 1.503.000đ (Một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng).

6. Về án phí dA sự sơ thẩm:

Nguyên đơn hộ ông Đinh Văn Tr phải chịu 1.042.000đ (Một triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dA sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí phí ông Tr đã nộp là 1.732.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BG/2015-002759 ngày 25/6/2018, tại Chi cục Thi hành án dA sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, hoàn trả cho ông Tr số tiền 690.000đ (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Bị đơn hộ ông Bùi Văn L phải chịu án phí dA sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là

300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số BH/2017-0004391, ngày 22/10/2018, tại Chi cục Thi hành án DA sự huyện Thanh Bình, hộ ông Bùi Văn L không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhA dA tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự, thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dA sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ